TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **864**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 30-11-2021
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Quản Văn Tiến***.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Dương Tú Anh.**

2. Ông Lê Bá Lung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2021/TLST - HNGĐ ngày 17/3/2021 về tranh chấp "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐXX-ST ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Hà T**, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Địa chỉ: Định Công Hạ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy A - luật sư - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Bị đơn: **Chị Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn ly hôn và các văn bản trình bày tại Tòa, nguyên đơn - Anh Hà T trình bày:

Anh Hà T và chị Phạm Thị Bích T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A (cũ là xã Định Công, huyện Thanh Trì), quận Hoàng Mai, Hà Nội ngày 27/9/2001.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, hàng ngày luôn phát sinh tranh cãi về cuộc sống, về nuôi dạy con cái, vợ chồng mất

niềm tin về tình cảm, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn.

- Con chung:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh trình bày: Anh T và chị T có 03 con chung là Hà Minh H (nam), sinh ngày 27/01/2003; Hà Minh Q (nam), sinh ngày 12/7/2010; Hà Nguyệt M (nữ), sinh ngày 15/12/2012. Cháu H đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, anh không yêu cầu gì. Anh đề nghị Tòa án xác định cháu Q, cháu M không phải là con đẻ của anh. Tại buổi làm việc ngày 15/10/2021 Anh T xác định anh chị có 03 con chung; ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Minh Q và cháu Hà Nguyệt M; anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (2 con là 20.000.000 đồng), trường hợp chị T không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con trên thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

- Tài sản chung (động sản và bất đồng sản): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/11/2021 Anh T trình bày ý kiến: "Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận cho tôi và bà Phạm Thị Bích T được ly hôn; Tôi đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con của bà Phạm Thị Bích T và tôi không có nghĩa vụ cấp dưỡng; Tài sản chung và nghĩa vụ chung chúng tôi không có và không có yêu cầu Tòa án giai quyết".

**** Tại các văn bản gửi cho Tòa án, bị đơn - chị Phạm Thị Bích T trình bày***:

Chị và Anh Hà T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A (cũ là xã Định Công, huyện Thanh Trì), quận Hoàng Mai, Hà Nội ngày 27/9/2001.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, Anh Txin ly hôn, chị T đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Con chung: Chị xác nhận chị và Anh T có 03 con chung là Hà Minh H (nam), sinh ngày 27/01/2003; Hà Minh Q (nam), sinh ngày 12/7/2010; Hà Nguyệt M (nữ), sinh ngày 15/12/2012. Cháu H đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, chị không yêu cầu gì. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Q và cháu M, không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản và bất đồng sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Anh Hà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/11/2021 Anh T trình bày ý kiến: "Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận cho tôi và bà Phạm Thị Bích T được ly hôn; Tôi đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con của bà Phạm Thị Bích T và tôi không có nghĩa vụ cấp dưỡng; Tài sản chung và nghĩa vụ chung chúng tôi không có và không có yêu cầu Tòa án giải quyết".

Luật sư Nguyễn Huy A bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Anh T vắng mặt, có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận cho anh T, chị T được ly hôn; Đề nghị Hội đông xét xử đồng ý và chấp thuận giải quyết về người trực tiếp nuôi con theo đề xuất của đương sự.

* Chị T vắng mặt, chị có đơn xin được vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn; Con chung: Có 03 con chung, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu M; không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con, Cháu H đã thành niên, chị không yêu cầu gì; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật. Vụ án có vi phạm về thời hạn xét xử, tuy nhiên, một phần do tình hình dịch bệnh covid.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T thường trú tại phường Láng Hạ nên Anh Hà T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Hà T đối với chị Phạm Thị Bích T. Con chung: Xác nhận Anh Tvà chị T có 03 con chung; Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu M; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Cháu H đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xét; Tài sản chung: Anh T, chị T không yêu cầu nên không xét. Án phí: Anh Tphải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Tố tụng**: Trước và tại thời điểm thụ lý cho đến nay, chị T cư trú tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Anh Hà T có đơn xin ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Việc tham gia tố tụng tại phiên tòa: Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. **Nội dung**:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Anh Tvà chị T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường Định Công (cũ là xã Định Công), quận Hoàng Mai, Hà Nội ngày 27/9/2001; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa Anh T và chị T là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự trong vụ án thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau…, anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, không có sự yêu thương, cảm thông và chia sẻ, năm 2012, 2020 anh chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, sau đó rút đơn, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh Tvà chị T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, chị T.

2.2. Con chung:

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án Anh T có yêu cầu Tòa án xác định cháu Q và cháu M không phải là con đẻ của anh. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định mối quan hệ cha - con giữa Anh T và cháu Q, cháu M nhưng không trưng cầu được vì cháu Q và cháu M vắng mặt. Các tài liệu có trong hồ sơ, không đủ cơ sở xác định cháu Q, cháu M không phải là con của anh T; Do vậy,

căn cứ Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận Anh Tvà chị T có 03 con chung là Hà Minh H (nam), sinh ngày 27/01/2003; Hà Minh Q (nam), sinh ngày 12/7/2010; Hà Thị Nguyệt M(nữ), sinh ngày 15/12/2012.

Cháu H đã thành niên, khỏe mạnh, Tòa không xét.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Anh T đồng ý với yêu cầu của chị T. Luật sư An đề nghị Hội đồng xét xử đồng ý và chấp thuận giải quyết về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo đúng đề xuất của các đương sự.

Nhận thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ; Từ khi anh chị ly thân, cháu Q, cháu M cư trú cùng chị T, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T; Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Q và cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc Anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2.4. Nợ chung: Anh T, chị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung nên không xét.

3. Án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề xuất của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Anh T phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

Anh Hà T và chị Phạm Thị Bích T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Hà T**.

Anh Hà T được ly hôn chị Phạm Thị Bích T.

2. **Con chung**: Xác nhận Anh T và chị T có 03 con chung là Hà Minh H (nam), sinh ngày 27/01/2003; Hà Minh Q (nam), sinh ngày 12/7/2010; Hà Thị Nguyệt M (nữ), sinh ngày 15/12/2012. Cháu H đã thành niên, khỏe mạnh nên không xét. Giao cháu Q, cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. **Tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Anh T, chị T không yêu cầu nên không xét.

4. **Nợ chung**: Anh T, chị T xác nhận không có nên không xét.

5. **Án phí**: Anh Hà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015636 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hà T, chị Phạm Thị Bích T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**